

Tiết 4

Tập đọc

TIẾNG CƯỜI LÀ LIỀU THUỐC BỔ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Hiểu nội dung bài: Tiếng cười mang đến niềm vui cho cuộc sống, làm cho con người hạnh phúc, sống lâu (trả lời được các câu hỏi trong SGK)

2. Kỹ năng:

- Bước đầu biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, dứt khoát.

3. Thái độ:

- GD HS luôn yêu cuộc sống và mang lại tiếng cười cho mình.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Tranh minh họa SGK.

- Học sinh: Sách giáo khoa Tiếng Việt 4.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	A.Kiểm tra:	- Đọc thuộc lòng bài thơ “Con chim chiền chiện” và trả lời câu hỏi về nội dung bài.	- 2 em lên bảng đọc và trả lời nội dung bài .
33'	B.Bài mới: 1.Giới thiệu bài: 2.Luyện đọc - Biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, dứt khoát.	- Nhận xét, đánh giá. -Giới thiệu bài, ghi bảng. - Tiếp nhau đọc 3 đoạn của bài (3 lượt HS đọc). - GV sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS. - Đọc phần chú giải.	- HS nghe, ghi bài - 3 HS nối tiếp nhau đọc theo trình tự. - 3 HS đọc, luyện đọc đúng. - 3 HS đọc, nêu chú giải SGK.

	<p>3. Tìm hiểu bài: - Trả lời được các câu hỏi trong SGK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc theo cặp. - Gọi một HS đọc lại cả bài . - GV đọc mẫu, chú ý cách đọc. - Yêu cầu HS đọc đoạn 1 câu chuyện trao đổi và trả lời câu hỏi. - Vì sao tiếng cười là liều thuốc bổ ? - Nội dung đoạn 1 nói lên điều gì -Yêu cầu HS đọc đoạn 2 trao đổi và trả lời câu hỏi. + Người ta tìm cách tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì ? - Nội dung đoạn 2 nói lên điều gì -Yêu cầu HS đọc đoạn 3 trao đổi và trả lời câu hỏi. + Em rút ra điều gì qua bài này? Hãy chọn ra ý đúng nhất ? + Đoạn 3 cho em biết điều gì? - Ghi nội dung chính của bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc nhóm đôi. - 1 HS đọc thành tiếng . - HS nghe. - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - Vì khi ta cười thì tốc độ thở của con người tăng lên đến 100 ki - lô - mét một giờ, các cơ mặt thư giãn, não tiết ra một chất làm con người có cảm giác thoải mái, thoải mãn... - Nói lên tác dụng tiếng cười đối với cơ thể con người. + 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm . - Trao đổi thảo luận và tiếp nối nhau phát biểu : - Để rút ngắn thời gian điều trị bệnh nhân, tiết kiệm tiền cho nhà nước . - Tiếng cười là liều thuốc bổ - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm bài trả lời câu hỏi : - Ý đúng là ý b. -Cần biết sống một cách vui vẻ - Người có tính hài hước sẽ
--	---	---	---

3'	4, Đọc diễn cảm: C. Củng cố, dặn dò:	<ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nhắc lại .- Yêu cầu 3 HS tiếp nối nhau đọc mỗi em đọc 1 đoạn của bài.- HS cả lớp theo dõi để tìm ra cách đọc hay.- Đoạn cần luyện đọc là: <u>Tiếng cười là liều thuốc bổ ... , cơ thể sẽ tiết ra một số chất làm hẹp mạch máu .</u>- Yêu cầu HS luyện đọc.- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm cả câu truyện .- Nhận xét về giọng đọc và cho điểm HS .- Hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?- Nhận xét tiết học.- Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị cho bài học sau .	<p>sống lâu hơn .</p> <ul style="list-style-type: none">- 2 đọc thành tiếng, lớp đọc thầm lại nội dung- 3 HS tiếp nối đọc 3 đoạn .- Rèn đọc từ, cụm từ ,câu khó theo hướng dẫn của giáo viên .- HS luyện đọc theo cặp.- 3 đến 5 HS thi đọc diễn cảm.- HS trả lời.- HS nghe.
----	--	---	---

Tiết 3

Chính tả (nghe – viết)

NÓI NGƯỢC

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

HS nghe - viết đúng bài chính tả *Nói ngược*.

2. Kỹ năng:

- Biết trình bày đúng bài về dân gian theo kiểu lục bát.
- Làm đúng bài tập 2 (phân biệt âm đầu và dấu thanh để viết lần (v/d/gi;dấu hỏi dấu ngã).

3. Thái độ:

Giáo dục HS giữ vở sạch, viết chữ đẹp .

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Chính tả.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3-4'	A.Kiểm tra bài cũ	+ GV đọc các từ: tròn trịa, chập chững, trắng trẻo.	-2 HS lên bảng viết, lớp viết vào bảng con rồi nhận xét trên bảng.
32'	B.Bài mới: 1.Giới thiệu bài: 2.Giảng bài: HS nghe - viết đúng bài chính tả <i>Nói ngược</i> .	- Nhận xét, đánh giá. -Giới thiệu bài, ghi bảng. * Hướng dẫn viết chính tả: - GV đọc bài về dân gian nói ngược. * <u>Hướng dẫn viết từ khó</u> . + GV đọc lần lượt các từ	- HS nghe, ghi bài - HS theo dõi trong SGK. -2 HS đọc. - 2 HS lên bảng viết, lớp viết

<p>2-3'</p> <p>C. Củng cố, dặn dò:</p>	<p>3, Luyện tập:</p> <p>*Bài 2:</p>	<p>khó viết cho HS viết: liếm lông, nậm rượu, lao đao, trúm, đổ vò, ...</p> <p>* <u>Viết chính tả.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc HS cách trình bày bài về theo thể thơ lục bát. - GV đọc từng dòng thơ cho HS viết. - GV đọc lại bài cho HS soát lỗi. <p>* <u>Soát lỗi, chấm bài.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đổi vở soát lỗi, báo lỗi và sửa lỗi viết chưa đúng. - GV thu một số vở chấm, nhận xét- sửa sai <p>+ Gọi HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>Cả lớp và GV nhận xét chốt lại lời giải đúng:</p> <p><u>Giải đáp</u> - tham gia - dùng một thiết bị-theo dõi-bộ não-kết quả-bộ não-bộ não-không thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết toàn bài. - Yêu cầu HS đọc lại thông tin ở bài tập 2, kể lại cho người thân nghe. Chuẩn bị bài: Ôn tập 	<p>vào bảng con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại các từ khó viết. - HS theo dõi. - HS nghe viết bài - Soát lỗi, báo lỗi và sửa. - HS còn lại đổi vở chữa lỗi cho nhau. - HS nộp bài. - HS đọc thầm đoạn văn, làm bài vào vở. 1 HS làm vào bảng nhóm trình bày trước lớp và đọc đoạn văn. - HS nghe. - HS nghe.
---	-------------------------------------	--	---

--	--	--	--

Tiết 4

Luyện từ và câu

MỞ RỘNG VỐN TỪ: LẠC QUAN, YÊU ĐỜI

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.

2. Kỹ năng:

Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).

3. Thái độ:

HS yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.

- Học sinh: VBT, SGK Tiếng việt

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	A. Kiểm tra: B. Bài mới: 1. Giới thiệu	- Trạng ngữ chỉ mục đích có tác dụng gì? Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi gì? - Nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu - HS nghe, ghi bài

<p>33'</p> <p>bài:</p> <p>2. Giảng bài</p> <p>*Bài 1:</p> <p>- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.</p> <p>*Bài 2:</p> <p>Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời</p> <p>*Bài 3:</p>	<p>-Giới thiệu bài, ghi bảng.</p> <p>- Đọc nội dung bài 1.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm phép thử để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình.</p> <p>a) Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì ?</p> <p>b) Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi cảm thấy thế nào ?</p> <p>c) Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi là người thế nào ?</p> <p>d) Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời 2 câu hỏi cảm thấy thế nào ? là người thế nào ?</p> <p>- GV phát bảng nhóm cho HS thảo luận nhóm 4. xếp các từ đã cho vào bảng phân loại.</p> <p>- GV nhận xét chốt lại lời giải đúng..</p> <p>- Đọc yêu cầu bài 2.</p> <p>- Yêu cầu HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp.GV nhận xét.</p>	<p>-2 HS đọc nội dung bài 1.</p> <p>- Bọn trẻ đang làm gì ?- Bọn trẻ đang vui chơi ngoài vườn.</p> <p>- Em cảm thấy thế nào?- Em cảm thấy rất vui thích.</p> <p>- Chú Ba là người thế nào ?</p> <p>- Chú Ba là người vui tính</p> <p>- Các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày.</p> <p>+Từ chỉ hoạt động : vui chơi, góp vui, mua vui.</p> <p>+Từ chỉ cảm giác : vui thích , vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui.</p> <p>+Từ chỉ tính tình: vui tính, vui nhộn, vui tươi.</p> <p>+Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình: vui vẻ.</p> <p>- 2 HS đọc.</p> <p>- HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp.</p> <p>+ Lan là một người vui tính.</p>
--	--	---

3'	C. Củng cố, dặn dò:	<p>Đọc yêu cầu bài 3.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhắc HS chỉ tìm những từ miêu tả tiếng cười(không tìm các từ miêu tả nụ cười)- Cho HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. Gọi HS phát biểu, GV ghi nhanh lên bảng những từ ngữ đúng, bổ sung thêm những từ ngữ mới.- Tổng kết toàn bài.- Liên hệ thực tế.- Về ôn lại bài và chuẩn bị bài sau Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu	<ul style="list-style-type: none">- 2 HS đọc yêu cầu bài 3.- HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ.- HS nối tiếp phát biểu, mỗi HS nêu một từ đồng thời đặt một câu.+ Từ ngữ miêu tả tiếng cười: Cười ha hả, hi hí, hơ hơ, khanh khách, sảng sặc , sặc sụa , khúc khích,- HS nghe.- HS nghe.
----	----------------------------	--	---

Tiết 3

Kể chuyện

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Chọn được các chi tiết nói về một người vui tính; biết kể lại rõ ràng về những sự việc minh họa cho tính cách của nhân vật (kể không thành chuyện), hoặc kể sự việc để lại ấn tượng sâu sắc về nhân vật (kể thành chuyện).

- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

2. Kỹ năng:

HS thực hiện được yêu cầu trên.

3. Thái độ:

GD HS yêu thích kể chuyện.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: VBT, SGK Tiếng việt

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4' 33'	A. Kiểm tra bài cũ: B. Bài mới: 1, Giới thiệu bài: 2, Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đề bài: 3, HS kể chuyện:	<ul style="list-style-type: none">- Kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc về người có tinh thần lạc quan, yêu đời. Nêu ý nghĩa câu chuyện.- Nhận xét, đánh giá.- Giới thiệu bài, ghi bảng.+ Đề bài: Kể chuyện về một người vui tính mà em biết.- GV giao việc: các em phải kể nội dung câu chuyện về người vui tính mà em là người chứng kiến câu chuyện xảy ra hoặc em trực tiếp tham gia. Đó là câu chuyện về những con người xảy ra trong cuộc sống hàng ngày.- Cho HS nói về nhân vật mình chọn kể.- Cho HS quan sát tranh trong SGK.+ Cho HS kể theo cặp.+ Cho HS thi kể.- GV nhận xét và khen những HS có câu chuyện	<ul style="list-style-type: none">- 2 HS kể.- HS nghe, ghi bài- 1 số HS đọc, lớp lắng nghe.- HS nghe.- HS lần lượt nói về nhân vật mình chọn kể.- HS quan sát tranh.- Từng cặp HS kể cho nhau nghe câu chuyện của mình. Hai bạn cùng trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.- Đại diện một số cặp lên thi kể.- Lớp nhận xét.

3'	C. Củng cố, dặn dò:	hay, kể hay. - Tổng kết toàn bài. - Liên hệ thực tế. - Yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe hoặc viết vào vở câu chuyện đã kể ở lớp.	- HS nghe. - HS nghe. - HS nghe, thực hiện.
----	----------------------------	--	---

Tiết 3

Tập đọc

ĂN MÀM ĐÁ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Hiểu nội dung câu chuyện: Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh, vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng, vừa khéo giúp chúa thấy được một bài học về ăn uống. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2. Kỹ năng:

Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh; đọc phân biệt được lời nhân vật và người dẫn câu chuyện.

3. Thái độ:

Giáo dục HS biết cách ăn ngon miệng, giữ vệ sinh ăn uống.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Tranh minh họa SGK.
- Học sinh: Sách giáo khoa Tiếng Việt 4.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3-4'	A. Kiểm tra bài cũ	- Đọc bài tập đọc Tiếng cười là liều thuốc bổ. + Em rút ra điều gì qua bài vừa đọc ? - Nhận xét, đánh giá.	-1 HS đọc bài. + Trong cuộc sống, con người cần sống vui vẻ thoải mái. - HS nghe, ghi bài
32'	B. Bài mới: 1, Giới thiệu bài:	-Giới thiệu bài, ghi bảng. =>Trạng Quỳnh là nhân vật nổi tiếng trong văn học dân gian Việt Nam. Bằng sự thông minh, sắc sảo, hóm hỉnh, Trạng Quỳnh đã cho	-HS nghe.

	<p>2. Nội dung</p> <p>a. Luyện đọc</p> <p>Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh</p> <p>b. Tìm hiểu bài:</p> <p>Trả lời được các câu hỏi trong SGK).</p>	<p>bạn quan lại những bài học nhớ đời. Bài tập đọc Ăn “mâm đá” hôm nay chúng ta học sẽ giúp các em hiểu được một phần điều đó.</p> <p>- GV phân đoạn: 4 đoạn:</p> <p>+ Đoạn 1: 3 dòng đầu: Giới thiệu về Trạng Quỳnh.</p> <p>+ Đoạn 2: Tiếp theo ... “đại phong”: Câu chuyện giữa chúa Trịnh với Trạng Quỳnh.</p> <p>+ Đoạn 3 : Tiếp theo ... “khó tiêu chúa đời”</p> <p>+ Đoạn 4: Còn lại: Bài học dành cho chúa.</p> <p>- Cho HS đọc nối tiếp.</p> <p>- HS đọc theo cặp.</p> <p>- Gọi HS đọc toàn bài</p> <p>- GV đọc toàn bài một lần nêu giọng đọc:</p> <p>Cần đọc với giọng vui, hóm hỉnh, đọc ôn biệt với các nhân vật trong truyện.</p> <p>• Đoạn 1 + 2.</p> <p>+ Vì sao chúa Trịnh muốn ăn món “mâm đá”?</p> <p>+ Trạng Quỳnh chuẩn bị món ăn cho chúa như thế nào ?</p>	<p>- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm</p> <p>- HS theo dõi</p> <p>- HS đọc nối tiếp.</p> <p>- HS luyện đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS theo dõi.</p> <p>- HS đọc thầm đoạn 1 + 2.</p> <p>+ Vì chúa ăn gì cũng không ngon miệng. Chúa thấy “mâm đá” lạ nên muốn ăn.</p> <p>+ Trạng cho người đi lấy đá về ninh, còn mình thì chuẩn bị một lọ tương để bên ngoài hai chữ “đại phong”. Trạng bắt</p>
--	---	--	---

<p>2-3'</p>	<p>c. Đọc diễn cảm:</p> <p>C. Củng cố, dặn dò:</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Cuối cùng chúa có được ăn “mâm đá” không ? Vì sao ? + Vì sao chúa ăn tương vẫn thấy ngon miệng ? + Em có nhận xét gì về nhân vật Trọng Quỳnh? <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc theo cách phân vai. - GV luyện cho cả lớp đọc đoạn 3 + 4. - Cho HS thi đọc phân vai đoạn 3 + 4. - GV nhận xét và khen nhóm đọc hay. - Nêu ý nghĩa câu chuyện. - Liên hệ thực tế. - Yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn và kể lại truyện cười cho người thân nghe. 	<p>chúa phải chờ cho đến lúc đói mềm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chúa không được ăn món “mâm đá” vì thực ra không có món đó. + Vì đói quá nên chúa ăn gì cũng thấy ngon. + HS có thể trả lời: <ul style="list-style-type: none"> • Trọng Quỳnh là người rất thông minh. • Trọng Quỳnh rất hóm hỉnh. • Trọng Quỳnh vừa giúp được chúa vừa khéo chê chúa. <ul style="list-style-type: none"> - 3 HS đọc theo cách phân vai: người dẫn chuyện, Trọng Quỳnh, chúa Trịnh. - HS đọc đoạn. - Các nhóm thi đọc. - Lớp nhận xét. - HS nêu. - HS nghe, thực hiện
-------------	---	---	---

Tiết 7

Tập làm văn

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Giúp HS biết rút kinh nghiệm về bài tập làm văn tả con vật (đúng ý, bố cục rõ ràng, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,...).

2. Kỹ năng:

Tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.

3. Thái độ:

Giáo dục HS yêu quý chăm sóc vật nuôi trong nhà.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.

- Học sinh: VBT, SGK Tiếng việt

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	A. Kiểm tra bài cũ	- Nhắc lại tiết trước học bài gì?	- HS trả lời
34'	B. Bài mới: 1, Giới thiệu bài: 2, Trả bài : - Giúp HS biết rút kinh nghiệm về bài tập làm văn tả con vật	+ GV nhận xét, đánh giá chung bài làm - Tiếp đọc nhiệm vụ của tiết trả bài tập làm văn trong SGK. - Nhận xét kết quả làm bài của HS. + <u>Ưu điểm</u> : Các em đã xác định đúng	- HS nghe. - 3 HS đọc nối tiếp. - HS nghe.

		<p>đề, đúng kiểu bài bài văn miêu tả, bố cục, diễn đạt, sự sáng tạo, lỗi chính tả, cách trình bày, chữ viết rõ ràng.</p> <p>+ <u>Những thiếu sót hạn chế:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Một số em khi miêu tả còn thiếu phần hoạt động. Một số em phần miêu tả về hình dáng còn sơ sài, còn vài em bài làm chưa có kết bài, từ ngữ dùng chưa hợp lý.- Nhận xét, đánh giá cụ thể của HS. <p>+ Trả bài cho HS.</p> <p>+ Hướng dẫn HS sửa bài.</p> <p>GV phát bảng nhóm cho một số HS làm việc cá nhân. Nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc lời phê của cô giáo.- Đọc những chỗ cô chỉ lỗi trong bài.- Viết vào bảng nhóm hoặc vào vở các lỗi sai trong bài theo từng loại (lỗi chính tả, từ, câu, diễn đạt, ý) và sửa lỗi.- Đổi bài cho bạn bên cạnh để soát lỗi soát lại việc sửa lỗi. GV theo dõi, kiểm tra HS làm việc	<ul style="list-style-type: none">- HS làm việc cá nhân.- HS thực hiện nhiệm vụ Giáo viên giao.- Vài HS lên bảng chữa lần lượt từng lỗi. Cả lớp tự chữa vào vở.- HS trao đổi bài chữa trên bảng.
--	--	---	---

3'	C. Củng cố, dặn dò:	<p>+ <u>Hướng dẫn HS sửa bài chung.</u></p> <ul style="list-style-type: none">- GV chép các lỗi định chữa lên bảng lớp.- GV chữa lại cho đúng bằng phấn màu. <p>* Chính tả: - Sửa trực tiếp vào vở</p> <p>+ Yêu cầu HS trao đổi bài của bạn để cùng sửa.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV theo dõi cách sửa bài, nhắc nhở từng bàn cách sửa.- Gọi HS nhận xét bổ sung. <p>+ Đọc những đoạn văn hay của các bạn .</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổng kết toàn bài.- Dặn về nhà những em làm bài chưa đạt thì làm lại. Chuẩn bị bài: Điền vào tờ giấy in sẵn.	<ul style="list-style-type: none">- HS chép bài chữa vào vở.+ HS lắng nghe và sửa bài.- HS lần lượt lên bảng sửa. <p>- HS sửa bài vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lắng nghe, bổ sung.- HS cả lớp lắng nghe.-HS nghe. <p>-HS nghe.</p>
----	----------------------------	--	---

Tiết 4

Luyện từ và câu

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN CHO CÂU

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu (trả lời câu hỏi Bằng gì? Với cái gì? – ND ghi nhớ).

2. Kỹ năng:

- Nhận diện được trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu (BT1, mục III) ; bước đầu viết được đoạn văn ngắn tả con vật yêu thích, trong đó có ít nhất 1 câu dùng trạng ngữ chỉ phương tiện (BT2).

3. Thái độ:

- Giáo dục HS vận dụng nói viết đúng ngữ pháp.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.

- Học sinh: VBT, SGK Tiếng việt

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	A. Kiểm tra bài cũ	- Gọi 2 HS làm BT 3 tiết LTVC (MRVT : Lạc quan – Yêu đời) - Nhận xét, đánh giá.	- 2HS lên bảng thực hiện yêu cầu .
33'	B. Bài mới : 1, Giới thiệu bài: 2.Nội dung HĐ1.Tìm hiểu phần nhận xét:	-Giới thiệu bài, ghi bảng. GV nêu mục đích yêu cầu tiết học. - Gọi 2 HS nối tiếp nhau đọc nội dung các yêu cầu	- HS nghe, ghi bài. - 2 HS nối tiếp nhau đọc nội dung các yêu cầu 1, 2. - Thảo luận nhóm đôi.

<p>- Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu</p> <p>HD2. Phân ghi nhớ:</p> <p>HD3. Luyện tập:</p> <p>*Bài 1</p> <p>- Nhận diện được trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu</p> <p>*Bài 2:</p> <p>viết được đoạn văn ngắn tả con vật yêu thích, trong đó có ít nhất 1 câu dùng trạng ngữ chỉ phương tiện</p>	<p>1, 2.</p> <p>+ Trạng ngữ được in nghiêng trong các câu sau trả lời cho câu hỏi nào?</p> <p>+ Loại trạng ngữ trên bổ sung cho câu ý nghĩa gì ?</p> <p>- GV giảng và rút ra nội dung như phân ghi nhớ Gọi HS đọc nội dung cần ghi nhớ trong SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu VD về trạng ngữ chỉ phương tiện.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>+ Bộ phận trạng ngữ trả lời cho câu hỏi nào ?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét ghi điểm cho HS.</p> <p>b, <u>Với óc quan sát tinh tế và đôi bàn tay khéo léo</u>, người họa sĩ dân gian đã sáng tạo nên những bức tranh làng Hồ nổi tiếng.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết đoạn văn miêu tả con vật, trong đó có ít nhất 1 câu có trạng ngữ chỉ phương tiện.</p>	<p>- Đại diện nhóm trả lời.</p> <p>+ Trạng ngữ được in nghiêng trong câu trên trả lời cho câu hỏi : Bằng cái gì? Với cái gì?</p> <p>+Trạng ngữ trong câu trên bổ sung ý nghĩa phương tiện cho câu.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 2 HS đọc to.</p> <p>- HS nối tiếp nhau nêu VD.</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- Bộ phận trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: Bằng cái gì? Với cái gì?</p> <p>- HS làm vào vở, 2 HS làm trên bảng lớp gạch dưới bộ phận trạng ngữ chỉ phương tiện.</p> <p>a, <u>Bằng một giọng thân tình</u>, thầy khuyên chúng em gắng học bài, làm bài đầy đủ.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- HS quan sát tranh minh họa các con vật.</p> <p>- 2 HS viết vào bảng nhóm, cả lớp viết bài vào vở.</p> <p>-HS đọc bài viết trên bảng nhóm. Lớp nhận xét, bổ</p>
--	---	--

3'	C. Củng cố, dặn dò:	- GV nhận xét, đánh giá - Nêu ghi nhớ về trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu. Cho ví dụ. - Yêu cầu HS học bài và chuẩn bị bài Mở rộng vốn từ: Lạc quan yêu đời.	sung. - HS nêu. - HS nghe.
----	----------------------------	---	----------------------------------

Tiết 3

Tập làm văn

ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Hiểu các yêu cầu trong Điện chuyển tiền, Giấy đặt mua báo chí trong nước.

2. Kỹ năng:

Biết điền những nội dung cần thiết vào bức điện chuyển tiền và giấy đặt mua báo chí.

3. Thái độ:

Giáo dục HS vận dụng vào trong thực tế.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.

- Học sinh: VBT, SGK Tiếng Việt

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	A. Kiểm tra bài cũ	- Kiểm tra 2 HS: 2 HS lần lượt đọc Thư chuyển tiền đã làm ở tiết học	- 2 HS lần lượt đọc Thư chuyển tiền đã làm ở tiết học trước.

33'	<p>B. Bài mới :</p> <p>1, Giới thiệu bài:</p> <p>2.Nội dung</p> <p>* Bài tập 1:</p> <p>Biết điền những nội dung cần thiết vào bức điện chuyển tiền</p>	<p>trước.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, đánh giá.-Giới thiệu bài, ghi bảng. <p>Điền vào điện chuyển tiền.</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS đọc yêu cầu BT1.- GV giải nghĩa những chữ viết tắt trong Điện chuyển tiền.• ĐCT: viết tắt của Điện chuyển tiền.- GV hướng dẫn điền nội dung cần thiết vào Điện chuyển tiền: Các em nhớ chỉ điền vào từ Phần khách hàng viết.• Họ tên mẹ em (người gửi tiền).• Địa chỉ (cần chuyển đi thì ghi), các em ghi nơi ở của gia đình em hiện nay.• Số tiền gửi (viết bằng chữ số trước, viết bằng chữ sau).• Họ tên người nhận (ông hoặc bà em).• Tin tức kèm theo (phải ghi ngắn gọn).• Nếu cần sửa chữa điều đã viết, em viết vào ô	<ul style="list-style-type: none">- HS nghe, ghi bài.- HS đọc yêu cầu BT1 và đọc mẫu Điện chuyển tiền đi.- HS lắng nghe cô giáo hướng dẫn.
-----	---	--	--